TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 18/2021/DS-ST**.**
Ngày**:** 30-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Lơ

Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2020/TLST–DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST – DS ngày 23/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 11/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*:

1/ Ông Nguyễn L, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn D, sinh năm 1987 (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ông có cho vợ chồng ông Nguyễn L và bà Nguyễn D vay tiền cụ thể như sau: Đợt 1: Ngày 25/3/2020 âm lịch vợ chồng ông L, bà D vay của ông số tiền là 255.000.000 đồng, thỏa thuận là đến ngày 30/3/2020 âm lịch sẽ trả lại tiền vay. Ngày 14/4/2020 âm lịch ông L, bà D có trả ông được 65.000.000 đồng còn nợ lại 190.000.000 đồng. Đợt 2: Ngày 16/4/2020 âm lịch vợ chồng ông L, bà D tiếp tục vay

của ông số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 25/5/2020 âm lịch sẽ trả lại tiền vay.

Cả hai lần vay đều có làm giấy tay do chính tay vợ ông L là bà D viết giấy nợ và ký tên. Ông L, bà D không thực hiện trả tiền như đúng lời hứa, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông L, bà D trả nợ. Hiện tại vợ chồng ông L, bà D còn nợ ông lại tổng số tiền là 215.000.000 đồng *Hai trăm mười lăm triệu đồng)*.

Tại phiên Tòa hôm nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn L và bà Nguyễn D trả tiền nợ gốc cho ông là 215.000.000 đồng và tiền lãi như sau: Đối với số tiền 190.000.000 đồng thì lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 14/4/2020 âm lịch nhằm ngày 06/5/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền 25.000.000 đồng thì lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 25/5/2020 âm lịch nhằm ngày 15/7/2020 dương lịch tới ngày xét xử sơ thẩm. Đối với yêu cầu xin trả dần và xin lãi thì ông không đồng ý. Còn về mức lãi suất mà bà D trình bày đã đóng lãi cho ông nhiều lần, một triệu đồng tính lãi suất 5.000đồng là không có. Vợ chồng bà D có gửi cho ông số tiền lãi 14 triệu đồng nhưng ông không nhớ gửi ngày nào. Nay ông đồng ý trừ vào số tiền lãi mà ông yêu cầu.

2/ Bị đơn ông Nguyễn L trình bày tại biên bản hòa giải lập ngày 25/01/2021 như sau:

Ông L thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của ông H hai lần, hiện nay còn nợ ông H số tiền 215.000.000 đồng đúng như ông H khởi kiện. Mục đích vợ chồng ông vay tiền ông H là dùng làm vốn kinh doanh tạp hóa, phục vụ sinh hoạt gia đình. Các tờ biên nhận do ông H cung cấp là do vợ chồng ông ký tên. Hiện nay kinh tế gia đình ông quá khó khăn nên ông yêu cầu được thanh toán số tiền nợ ông H chia làm ba lần, mỗi lần cách nhau 06 tháng chứ thanh toán một lần thì ông không có khả năng. Đồng thời vợ chồng ông xin phần tiễn lãi vì hiện nay vợ chồng ông rất khó khăn về kinh tế.

3/ Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn D trình bày:

Theo các biên nhận nợ ông H cung cấp lập ngày 25/3/2020 có nội dung vợ chồng bà vay số tiền 255 triệu đồng và biên nhận không đề ngày tháng năm có nội dung vợ chồng bà vay số tiền 25 triệu đồng là đúng chữ ký của bà và chồng bà là ông L chỗ người viết nhưng chữ viết không đúng của bà. Vợ chồng bà đúng là còn nợ ông H số tiền vốn vay 215 triệu đồng nhưng thời gian vay là không đúng. Vợ chồng bà vay tiền để làm vốn kinh doanh nhưng do làm ăn bị thua lỗ, vợ chồng bà vay số tiền 255 triệu đồng khoảng tháng 9/2019 âm lịch. Ngày vay tiền là ngày âm lịch. Số tiền vay 25 triệu đồng là qua tết khoảng tháng 2 hay tháng 3 năm 2020 âm lịch. Bà đã đóng lãi cho ông H từ ngày vay đến trước khi ông H khởi kiện là trước tết năm 2020 là mỗi ngày 5.000đ trên số tiền 1.000.000 đồng. Nhưng khi đóng lãi thì không có giấy tờ, bà viết biên nhận cho ông H trên giấy ca rô chứ không phải giấy tập nhưng cũng không có gì để chứng minh vì bà không có lưu biên nhận lại. Nay bà xin trả dần 06 tháng trả 50 triệu đồng và xin không tính lãi nữa, số tiền lãi đã đóng thì bà cũng không nhớ là đã

đóng bao nhiêu tiền lãi nhưng ông H thừa nhận có nhận của vợ chồng bà số tiền lãi 14 triệu đồng thì bà yêu cầu xin trừ vào số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Nguyễn L vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn L và bà Nguyễn D trả số tiền vay hai khoản tổng cộng là 215.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2021 bị đơn ông Nguyễn L thừa nhận vợ chồng ông còn nợ lại ông H số tiền vốn 215 triệu đồng là đúng như ông H khởi kiện, nhưng hiện nay không có khả năng trả tiền cho ông H một lần, yêu cầu xin được trả dần. Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn D thừa nhận còn nợ ông H số tiền vốn là 215 triệu đồng cũng xin trả dần số tiền này. Việc các đương sự thừa nhận đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên việc ông L và bà D còn nợ ông H số tiền vốn vay 215.000.000 đồng là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa ông H với vợ chồng ông L, bà D là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền vợ chồng ông L, bà D còn nợ ông H đáng lẽ sau khi hết thời hạn thỏa thuận trả tiền thì vợ chồng ông L, bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông H nhưng đến thời điểm này vợ chồng ông L, bà D chưa trả lại tiền cho ông H là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà D trả tiền vốn vay 215 triệu đồng còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H cho rằng sau khi cho vợ chồng ông L, bà D mượn tiền thì không có thỏa thuận lãi suất, thời gian thiếu quá lâu nên ông H có đến đòi tiền thì vợ chồng bà D có trả cho ông khoảng tiền lãi là 14 triệu đồng, nay ông cũng đồng ý khấu trừ số tiền lãi này cho vợ chồng ông H vào số tiền lãi ông yêu cầu, do vợ chồng ông L không trả tiền như đã thỏa thuận nên ông H yêu cầu trả lãi chậm trả 0,83%/tháng kể từ ngày vi phạm. Còn bị đơn bà D cho rằng có trả cho ông H nhiều lần tiền lãi nhưng bà không có giấy tờ gì để chứng minh là có trả lãi và cũng không nhớ đã trả bao nhiêu lãi, ông H thừa nhận có nhận của bà số tiền lãi 14 triệu đồng thì bà yêu cầu trừ lại số tiền lãi này nếu ông H không chịu bỏ lãi cho vợ chồng bà. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn bà D cho rằng có đóng lãi cho ông H với mức lãi suất là 1.000.000đồng sẽ trả 5.000đồng lãi một ngày nhưng lại không có giấy tờ hay có gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, phía nguyên đơn ông H không thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền lãi vượt để khấu trừ vào vốn vay cho bà

D. Còn đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy theo khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất chậm trả không được vượt quá 50% mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm, tức là chỉ được yêu cầu mức lãi suất 10%/năm, mức lãi suất tương đương 0,83%/tháng. Như vậy, ông H yêu cầu vợ chồng ông L trả lãi suất chậm trả 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên yêu cầu tính lãi suất của ông H kể từ ngày vợ chồng ông L vi phạm được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, mức lãi suất được tính như sau: Đối với khoản vay 190.000.000 đồng, từ ngày 14/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 06/5/2020 dương lịch) đến ngày xét xử 30/3/2021 dương lịch là 10 tháng 24 ngày x 0.83%/tháng x 190.000.000đ = 17.031.600đ (1). Đối với khoản vay 25.000.000đ từ ngày 26/5/2020 âm lịch (nhằm ngày 15/7/2020 dương lịch) đến ngày xét xử 30/3/2021 dương lịch là 08 tháng 15 ngày x 0.83%/tháng x 25.000.000đ = 1.763.750đ (2). Như vậy, tổng lãi mà vợ chồng ông L phải trả cho ông H là (1) + (2) = 17.031.600đ + 1.763.750đ = 18.795.000đ (làm tròn). Tại phiên tòa ông H và bà D thống nhất ông Hòa sẽ khấu trừ số tiền lãi mà bà D đã đóng cho ông là 14 triệu đồng. Nên số tiền lãi mà vợ chồng bà D còn phải trả cho ông H là 18.795.000đ – 14.000.000đ = 4.795.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông L, bà D yêu cầu trả dần số tiền vốn cũng như xin phần tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông L, bà D phải chịu là 219.795.000đồng x 5% = 10.989.750đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Nguyên đơn ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về việc yêu cầu ông Nguyễn L và bà Nguyễn D trả số tiền vay.

Buộc ông Nguyễn L và bà Nguyễn D trả cho ông Nguyễn H số tiền tổng cộng 219.795.000đ (*Hai trăm mười chín triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 215.000.000đồng và tiền lãi suất là 4.795.000 đồng.

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn H thì hàng tháng ông Nguyễn L và bà Nguyễn D còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn L và bà Nguyễn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.989.750 đồng (*Mười triệu chín trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Ông Nguyễn H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.627.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007563 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng